

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
- Bà Hoàng Thị Ngọc Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A đường C, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Đăng Anh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A tổ C, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-7-2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Chị và anh Lê Đăng Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Sau khi

kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do tính chất công việc không sống cùng nhau từ tháng 11-2017 và đến tháng 6-2018 thì sống ly thân cho đến nay. Nay chị xin được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Ngọc Bảo N**, sinh ngày 26-4-2016. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn - anh **Lê Đăng A T** trình bày:* Anh và chị **C** tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B**, Huyện **D**. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị **C** xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Ngọc Bảo N**, sinh ngày 26-4-2016. Anh đồng ý giao con chung cho chị **C** nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **C**. Giao chị **C** tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Lê Ngọc Bảo N**, ghi nhận chị **C** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **C**, anh **T** đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 178 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị **C**, anh **T**.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **C** và anh **T** tự nguyện chung sống vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh **T** đồng ý ly hôn tuy nhiên chị **C** và anh **T** đều có đơn xin vắng mặt. Xét thấy hôn nhân giữa chị **C** và anh **T** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **C** là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Ngọc Bảo N**, sinh ngày 26-4-2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị **C**. Xét nguyện vọng của cháu **N** muốn sống cùng chị **C**, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý và cuộc sống, cần tiếp tục giao chị **C** nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Ghi nhận chị **C** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Ngọc C** đối với anh **Lê Đăng Anh T**.

Chị **Nguyễn Thị Ngọc C** và anh **Lê Đăng A T** không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Ngọc Bảo N**, sinh ngày 26-4-2016. Giao chị **C** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Lê Ngọc Bảo N**.

Ghi nhận chị **C** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T** có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản

trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị **Nguyễn Thị Ngọc C** phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **C** đã nộp theo biên lai thu số 0013721 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (đã nộp đủ)

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân xã (phường), nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thơ